

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN  
NƯỚC TRONG**

Số: 52/2023/CBTT-NTH

“V/v CBTT Báo cáo thường  
niên năm 2022”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước;  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**  
Mã chứng khoán : NTH  
Trụ sở chính : Thôn Nước Tang, xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng  
Ngãi, Việt Nam  
Điện thoại : (0255) 381 9662 Fax: (0255) 381 9598  
Người thực hiện CBTT : Ông Ngô Trung Dũng Chức vụ: Giám đốc  
Loại thông tin công bố:  24 h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
Nội dung thông tin công bố : Báo cáo thường niên năm 2022.

Địa chỉ Website công bố thông tin: [www.thuydiennuoctrong.com.vn](http://www.thuydiennuoctrong.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Lưu VT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Ngô Trung Dũng**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2022**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300322171
- Vốn điều lệ : 108.020.530.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.020.530.000 đồng.
- Địa chỉ : Thôn Nước Tang, xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi
- Số điện thoại : 0255.3819662
- Số fax : 0255.3819598
- Website : www.thuydiennuoctrong.com.vn
- Mã cổ phiếu : NTH
- Quá trình hình thành và phát triển:

**2004** Tiền thân là Công ty Cổ phần Nước Trong được thành lập ngày 11 tháng 02 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với vốn điều lệ đăng ký là 9 tỷ đồng, nhằm mục đích đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong.

**2006** Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/01/2006.

**2008** Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào tiến độ xây dựng Hồ chứa nước Nước Trong, do đó đến năm 2008, dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong mới bắt đầu triển khai xây dựng.

**2012** Đến tháng 10/2012, Nhà máy đã hoàn thành công đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị và đưa vào vận hành phát điện lên lưới. Tuy nhiên, do tiến độ xây dựng Hồ chứa nước Nước Trong vẫn chưa hoàn thành (đạt cao trình 104,5m



so với cao trình đỉnh đập là 132m) nên Nhà máy chỉ phát được 50% công suất thiết kế.

<b>2016</b>	Đến cuối năm 2016, công trình Hồ chứa nước Nước Trong hoàn thành đạt cao trình 132m, tích nước đến cao trình mực nước dâng bình thường 129,5m, do đó Nhà máy Thủy điện Nước Trong mới chính thức phát điện đủ 100% công suất thiết kế.
<b>2017</b>	Hoạt động kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định. Ngoài ra, năm 2017 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu chia cổ tức cho Cổ đông với mức cổ tức bằng cổ phiếu là 14% và mức cổ tức bằng tiền là 25%.
<b>2018</b>	Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền là 21%.
<b>2019</b>	Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận là công ty đại chúng theo văn bản số 124/UBCK-GSDC ngày 05/01/2019 và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04/2019/GCNCP-VSD ngày 23/01/2019 với mã chứng khoán NTH. Được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội theo Quyết định số 337/QĐ-SGDHN ngày 03/06/2019 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu niêm yết của Công ty tại Sở GDCK Hà Nội vào ngày 19/06/2019 theo Thông báo số 633/TB-SGDHN ngày 11/06/2019 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền là 27%.
<b>2020</b>	Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền là 27%.
<b>2021</b>	Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền là 30%.
<b>2022</b>	Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền dự kiến là 45%.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

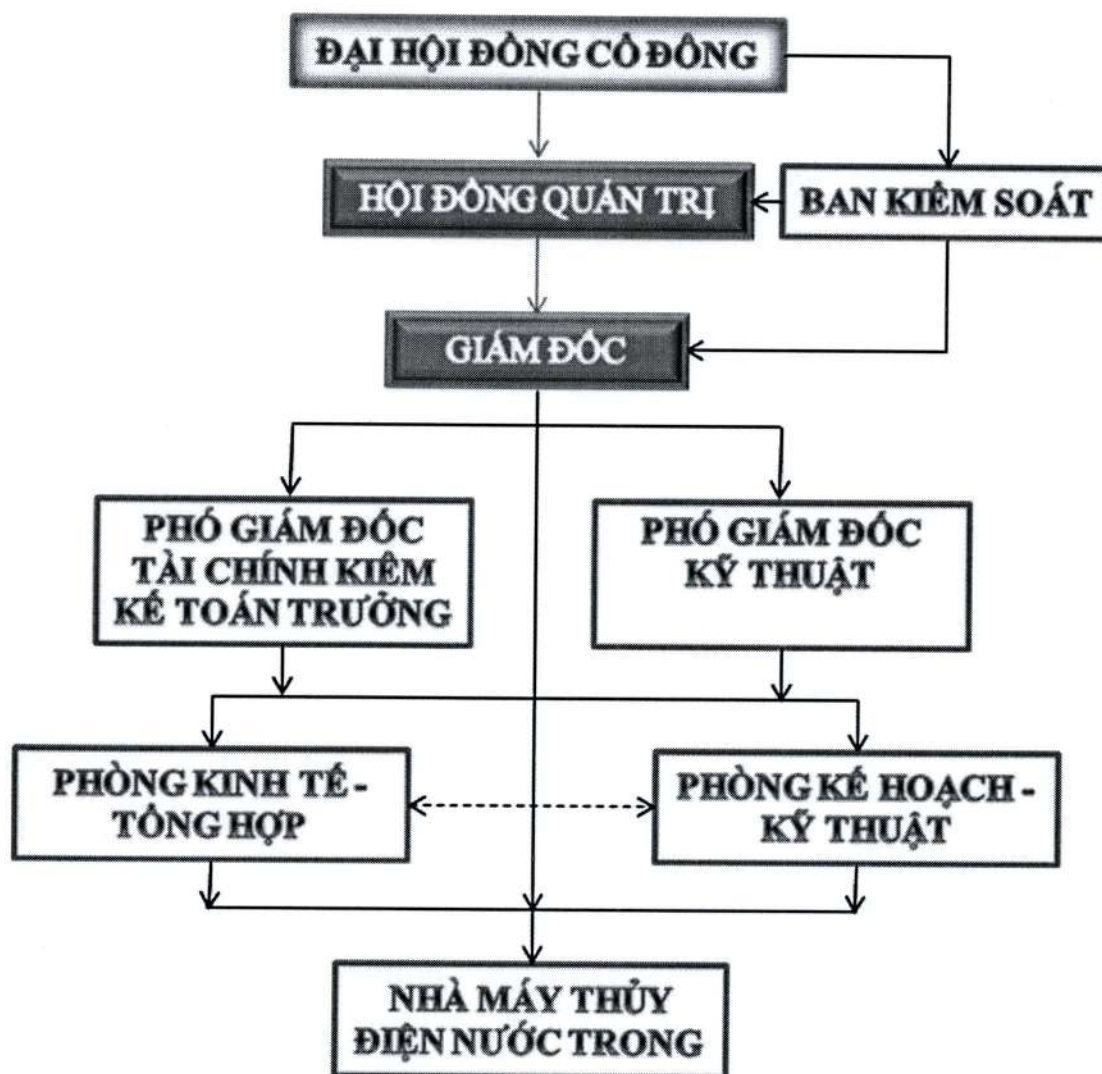
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; chi tiết: Sản xuất, kinh doanh mua và bán điện.

Hiện nay nguồn doanh thu của Công ty trong các năm qua toàn bộ từ vận hành sản xuất điện năng của Nhà máy thủy điện Nước Trong.

- Địa bàn kinh doanh: Xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

### **3.1. Mô hình quản trị:**



### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

#### 3.2.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

#### 3.2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty trong nhiệm kỳ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

#### 3.2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.



### 3.2.4. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- **Giám Đốc:** Điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, theo Ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Luật doanh nghiệp.
- **Các Phó Giám Đốc:** là người giúp việc cho Giám đốc công ty, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- **Kế toán trưởng:** là người tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của công ty, giúp Giám đốc công ty giám sát tài chính tại công ty theo pháp lệnh về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

### 3.2.5. Phòng Kinh tế - Tổng hợp

Phòng Kinh tế - Tổng hợp có chức năng quản lý về công tác tổ chức, lao động, tiền lương, thống kê, hành chính, văn phòng,... Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về công tác được phân công.

### 3.2.6. Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật có chức năng quản lý về công tác kỹ thuật, công nghệ, đầu tư, xây dựng cơ bản, thiết bị, sản xuất. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về công tác được phân công.

### 3.2.7. Nhà máy Thủy điện Nước Trong

Nhà máy Thủy điện Nước Trong chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác sản xuất, quản lý tài sản, vận hành, sửa chữa, hệ thống thiết bị công nghệ tại nhà máy thủy điện, đảm bảo sản xuất an toàn hiệu quả theo đúng phương thức và quy trình quy phạm và quy định của công ty.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

## 4. Định hướng phát triển:

- Bên cạnh mục tiêu duy trì và phát triển hoạt động của nhà máy thủy điện Nước Trong trong các năm sắp tới, trong năm 2023 và những năm tiếp theo Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, đầu tư vào các dự án năng lượng như: thủy điện, năng lượng mặt trời,... có tiềm năng, nhằm mang lại lợi ích cao và mở rộng phát triển của công ty.
- Xác định được yếu tố con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công, chính vì vậy Công ty không ngừng đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhân viên kỹ thuật lành nghề để chủ động tiếp cận những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng thị trường. Từ chỗ phải thuê các chuyên gia trong nước và nước ngoài làm tư vấn, thiết kế công trình; chỉ đạo thi công xây lắp và trực tiếp căn chỉnh máy móc, thiết bị kỹ thuật quan trọng, chạy thử



liên động hoặc có tải cũng như công tác sửa chữa máy móc của Nhà máy thủy điện; đến nay các chuyên gia cán bộ kỹ thuật và công nhân giỏi nghề, giàu kinh nghiệm của Công ty đã cơ bản đảm trách được công việc một cách an toàn, hiệu quả.

- Hiện tại sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm và việc tiêu thụ điện đã được đảm bảo bởi Hợp đồng mua bán điện dài hạn được ký giữa Công ty và Tổng Công ty điện lực Miền Trung. Do đó các hoạt động marketing của Công ty trong tương lai gần chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực khác mà Công ty đang dự định hướng đến.

- Phương châm của Công ty trong xây dựng mối quan hệ khách hàng là uy tín, cam kết chất lượng sản phẩm, hỗ trợ lẫn nhau tìm giải pháp để cùng tháo gỡ khó khăn trong kinh doanh. Công ty cũng chú trọng nâng cao hình ảnh thương hiệu của mình thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng của Công ty cũng như chú trọng cập nhật website của Công ty.

## **5. Các rủi ro:**

### **5.1. Rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Thời tiết: Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thủy điện do đó điều kiện thời tiết là yếu tố rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, các thiên tai khác như động đất, lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập, hồ chứa,... gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

- Thị trường tiêu thụ: sản lượng điện phát ra tại các nhà máy đều bán cho một khách hàng duy nhất là Tổng Công ty Điện lực Miền trung (CPC) nên các rủi ro về yếu tố cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ở thời điểm hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

- Nhu cầu điện hiện nay: do nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh nên nhu cầu điện cao hơn so với nguồn cung sản xuất điện. Tuy nhiên trong trường hợp nền kinh tế quốc gia không ổn định sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng điện năng đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất.

- Giá bán điện: đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện nay biểu giá bán điện cho EVN được nhà nước ban hành từng năm và phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành vĩ mô của nhà nước.

### **5.2. Rủi ro thực hiện các mục tiêu của Công ty:**

- Khủng hoảng tài chính, biến động trong chính sách điều hành vĩ mô: quá trình triển khai các dự án trọng điểm của Công ty sẽ hoàn tất theo đúng tiến độ khi không có biến động về chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực xây dựng công trình thủy điện như: thủ tục pháp lý, cấp phép đầu tư, vận hành khai thác... Trong trường hợp các vấn đề trên có biến động theo chiều hướng xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xây dựng và hoàn thành các nhà máy thủy điện.

- Biến động lãi suất, tỷ giá sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển mới các nhà máy thủy điện.



### 5.3. Các rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	TH năm 2022	TH năm 2021	So sánh TH2022/ KH2022	So sánh TH2022/ TH2021
A	B	C	1	2	2	4=2/1	5=2/3
1	Điện thương phẩm	Tr.kwh	67,77	112,65	84,42	166,22%	136,68%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	93,11	134,47	105,07	144,42%	127,98%
3	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	56,44	61,75	60,43	109,40%	102,18%
4	LN trước thuế TNDN	Tỷ đồng	36,67	72,72	44,65	198,31%	162,89%
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	1,86	3,67	2,27	197,11%	161,69%
6	LN sau thuế TNDN	Tỷ đồng	34,81	69,05	42,38	198,38%	162,95%

Năm 2022 có thời tiết thuận lợi hơn năm 2021, vì vậy Nhà máy thủy điện Nước Trong phát điện với các chỉ tiêu đạt được vượt so với năm 2021. Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 144,42% so với kế hoạch và đạt 127,98% so với thực hiện năm 2021.

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Xuân	Giám đốc (*)
2	Lê Văn Hưng	Phó Giám đốc
3	Ngô Trung Dũng	Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (**)

(\*): Ông Nguyễn Thanh Xuân: Miễn nhiệm Giám đốc từ ngày 01/01/2023.

(\*): Ông Ngô Trung Dũng: Miễn nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng từ ngày 01/01/2023. Bổ nhiệm Giám đốc từ ngày 01/01/2023.

#### 2.1.1 Ông Nguyễn Thanh Xuân – Giám Đốc

Họ và tên: NGUYỄN THANH XUÂN  
Giới tính: Nam  
Ngày tháng năm sinh: 13/01/1964  
Nơi sinh: Duy Minh, Duy Tiên, Hà Nam

CMND: 212225914 cấp ngày 14/01/2021 tại CA Quảng Ngãi  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Phố Thuận – Đức Phổ - Quảng Ngãi  
 Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Phường Trần Phú, TP Quảng Ngãi  
 Số điện thoại: 0987548940  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
3/1988 - 3/1991	Kỹ thuật thi công – Công trường thủy lợi Thạch Nham huyện Sơn Tịnh;
3/1991 6/1993	Phó giám đốc – Công trường Thạch Nham huyện Sơn Tịnh;
6/1993 – 01/2001	Phó trưởng phòng Kỹ thuật – Công ty Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi
01/2001 – 5/2007	Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng – Công ty Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi
5/2007 – 01 2010	Phó trưởng phòng Kế hoạch Tài chính - Ban quản lý Đầu tư và XD thủy lợi 6 thuộc Bộ NN&PTNT
2/2010 – 2/2011	Chuyên viên phòng Kinh tế Kế hoạch, Công ty CP Thủy điện Đakđrinh;
02/2011- 10/2017	Phó trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch, Công ty CP Thủy điện Đakđrinh; kiêm nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty từ tháng 5/2012;
10/2017 – 12/2019	Phó trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch, Công ty CP Thủy điện Đakđrinh;
01/2020 – 31/12/2022	Giám đốc CTCP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Giám đốc (Miễn nhiệm Giám đốc kể từ ngày 01/01/2023)

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 24/02/2023): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

## 2.1.2 Ông Lê Văn Hưng – Phó Giám Đốc



Họ và tên: **LÊ VĂN HƯNG**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 08/04/1987  
 Nơi sinh: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi  
 CMND: 212681056, ngày cấp: 21/12/2016, nơi cấp: Công an Quảng Ngãi  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi  
 Địa chỉ thường trú: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.  
 Số điện thoại: 0906496749  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử  
 Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ – Nơi làm việc</b>
10/2005 - 10/2010	Sinh viên - Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP Hồ Chí Minh
01/2011 - 09/2012	Nhân viên Phòng Quản lý dự án - CTCP Thủy điện Nước Trong
09/2012 - 12/2015	Trưởng ca vận hành tại Nhà máy thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
12/2015 - 09/2016	Phó Quản đốc Nhà máy thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
10/2016 - 02/2020	Quản đốc Nhà máy thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
01/2020 - nay	Phó Giám đốc Kỹ thuật kiêm TP KH-KT của CTCP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Giám đốc Kỹ thuật kiêm TP Kế hoạch - Kỹ thuật  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.  
 Số CP nắm giữ (thời điểm 24/02/2023): 15.664 cổ phiếu, chiếm 0,15% vốn điều lệ  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 15.664 cổ phiếu, chiếm 0,15% vốn điều lệ  
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

### 2.1.3 Ông Ngô Trung Dũng – Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên: **NGÔ TRUNG DŨNG**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 24/06/1975  
 Nơi sinh: Đống Đa – Hà Nội  
 CMND: 212001331, ngày cấp: 09/09/2008, nơi cấp: Công an Quảng Ngãi  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi  
 Địa chỉ thường trú: Tổ 3 phường Nghĩa Lộ - TP Quảng Ngãi – tỉnh Quảng Ngãi.  
 Số ĐT liên lạc: 0986031122  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
08/2000 – 02/2004	Kế toán trưởng - Công ty TNHH Giao Thủy
02/2004 – 31/12/2022	Kế toán trưởng - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
12/2016 – 31/12/2022	Phó Giám đốc phụ trách Tài chính - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó GD phụ trách tài chính, Kế toán trưởng  
 (Từ ngày 01/01/2023 được bổ nhiệm Giám đốc và miễn nhiệm Phó giám đốc và Kế toán trưởng)

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 24/02/2023): 112.881 cổ phiếu, chiếm 1,04% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 112.881 cổ phiếu, chiếm 1,04% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo (Vợ): sở hữu 45.000 cổ phiếu, chiếm 0,42% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

**2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2022 không có thay đổi.**

**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2022.**



Yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ
<b>Phân loại theo trình độ lao động</b>	<b>29</b>	<b>100%</b>
+ Đại học	08	28%
+ Cao đẳng	03	10%
+ Trung cấp	13	45%
+ Lao động phổ thông	05	17%

**- Chính sách đối với người lao động:**

+ Quan tâm đến chế độ, đời sống CBCNV, tạo điều kiện để hoạt động thuận lợi và phối hợp tốt với công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.

+ Chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề vì đó là nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và phát triển một doanh nghiệp.

+ Cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: ký kết hợp đồng lao động, đóng BHYT, BHXH, BHTN, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động, tổ chức cho CBCNV tham quan du lịch hàng năm.

+ Quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước; tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các nhà máy thủy điện có quy mô tương tự Nhà máy thủy điện nước Trong nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc.

+ Chính sách lương thưởng: Trả lương cho CBCNV theo công việc. Thưởng theo kết quả SXKD của Công ty và dựa trên kết quả thi đua trong lao động sản xuất của từng cá nhân

+ Ngoài tiền lương, Công ty khuyến khích lao động bằng khoản thưởng vào ngày lễ, tết và các dịp đặc biệt và các chính sách phúc lợi, trợ cấp bao gồm: thăm ốm đau, thai sản, tặng quà hoặc hiện kim ngày sinh nhật, kết hôn ... và các chế độ khác áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

**4. Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài chính

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	260.055,0	241.923,1	-6,97%
Doanh thu thuần	105.001,4	134.307,1	27,91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.756,7	72.733,3	62,51%
Lợi nhuận khác	-110,8	-10,9	
Lợi nhuận trước thuế	44.645,9	72.722,4	62,89%
Lợi nhuận sau thuế	42.377,2	69.054,1	62,95%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
- Cổ tức bằng cổ phiếu			
- Cổ tức bằng tiền	30% (*)	45% (**)	50%

(\*) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 24/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2022 đã thông mức chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 30% mệnh giá cổ phần, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ 30% mệnh giá cổ phần.

(\*\*) Dự kiến thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023: Tỷ lệ cổ tức bằng tiền năm 2022 là 45%, cụ thể sẽ được chính thức thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

- Các chỉ tiêu khác:

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
▪ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,84	0,95
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:			
▪ (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,83	0,94
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,36	0,27
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,56	0,36
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
▪ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	202,13	145,87
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,40	0,56
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	40,36%	51,42%



+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	25,44%	38,93%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	16,30%	28,54%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	42,62%	54,15%

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### a) Cổ phần:

Đến thời điểm 24/03/2023, cổ phần đang lưu hành như sau:

- Tổng số cổ phần: 10.802.053 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.802.053 cổ phần

### b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>		<b>10.799.553</b>	<b>99,9769%</b>
	- Pháp nhân	-	-	-
	- Cá nhân	140	10.799.553	99,9769%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>		<b>2.500</b>	<b>0,0231%</b>
	- Pháp nhân	1	700	0,0065%
	- Cá nhân	6	1.800	0,0167%
<b>3</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>147</b>	<b>10.802.053</b>	<b>100%</b>

### Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Tại thời điểm 24/03/2023, danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ %/SLCP đang lưu hành
1	Bùi Thị Sâm	210100128	20 Nguyễn Tự Tân, Quảng Ngãi	708.127	6,56%
2	Nguyễn Văn Cao	027055000220	92 Nguyễn Hữu Cảnh, (A4-14), P22, Q. Bình Thạnh, HCM	2.001.145	18,53%
3	Trần Minh Hòa	212055919	09 Trần Quang Diệu, P.Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	750.029	6,94%
4	Võ Thụy Vân Khanh	024698321	29 Thảo Điền P.Thảo Điền Q.2	1.098.900	10,17%
5	Đình Thị Hiên	281147160	Phường Tân Đông Hiệp – Thị xã Dĩ An – tỉnh Bình Dương	664.413	6,15%
@	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.222.614</b>	<b>48,35%</b>



- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- e) Các chứng khoán khác: Không.

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Tác động lên môi trường:**

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

### **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

Đặc thù của nhà máy thủy điện là sử dụng chiều cao cột nước (thế năng) để sản xuất điện năng nên nguyên vật liệu chính là nguồn nước. Sau khi được sử dụng để phát điện, nguồn nước được trả về lại với tự nhiên. Ngoài ra, trong quá trình vận hành Công ty có phát sinh nguồn vật tư thiết bị phục vụ công tác duy tu, sửa chữa. Việc sử dụng vật tư thiết bị được Công ty quản lý sử dụng một cách tiết kiệm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất.

### **6.3. Tiêu thụ năng lượng**

Các trang thiết bị điện trong các phòng ban khi không có người làm việc ở trong phòng đều phải tắt hết điện; máy photocopy, máy in chỉ được sử dụng cho công việc của cơ quan, không được dùng cho việc riêng cá nhân; khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

### **6.4 Tiêu thụ nước**

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước từ hồ chứa nước Nước Trong để sản xuất, với tỷ lệ tái sử dụng nước là 100%. Công ty luôn nhận thức sự quý giá của nguồn nước đến hoạt động kinh doanh của Công ty và môi trường sống. Công ty thường xuyên nhắc nhở CBCNV sử dụng nước đúng mục đích và nêu cao ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty. Các năm sắp tới, Công ty tiếp tục sắp xếp kế hoạch sử dụng khoa học để giảm tiêu hao nước; tăng năng suất hoạt động từ đó giảm tiêu hao nước. Đồng thời thiết kế hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, hệ thống xử lý nước đạt chuẩn và tái sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả.

### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua, Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quang sạch đẹp tại các nhà máy thủy điện và văn phòng làm việc. Trong năm, Công ty cũng luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng của hoạt động của Công ty đến môi trường.

### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động**

#### ***Chính sách tuyển dụng***

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự;

- Việc tuyển dụng được thông báo công khai trên website của công ty, đến các



nguồn cung ứng lao động bên ngoài và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đảm bảo tính công bằng, minh bạch, và bình đẳng cho mọi ứng viên phù hợp;

- Mỗi vị trí, chức danh công việc thuộc các ngành nghề tuyển dụng phù hợp với nhu cầu tuyển dụng đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng và được thực hiện theo đúng Quy trình tuyển dụng của Công ty.

### **Chính sách đào tạo**

- Với phương châm đào tạo phải gắn liền với mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty và các đơn vị, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo để củng cố nâng cao năng lực về quản trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Các chương trình đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia và nhiều chương trình đào tạo các chức danh vận hành, sửa chữa;
- Công ty sẽ kiện toàn công tác bồi dưỡng, thi và sát hạch nghề theo quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 694/QĐ-EVN ngày 22/7/2016. Trong đó, Tổ phụ trách công tác đào tạo sẽ tham mưu lập chương trình đào tạo, đề cương, đáp án và quy định tiêu chí đối với cán bộ phụ trách kèm cặp công nhân thi nâng bậc;
- Để tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo,.. Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ. Các chuyên đề giảng dạy sẽ được chia sẻ và tham khảo thêm của các đơn vị bạn trong ngành điện để ngày càng hoàn thiện hơn, đáp ứng nhu cầu đào tạo thực tế tại Công ty.

### **Chính sách lương thưởng và phúc lợi cho người lao động**

- Được hưởng các chế độ phúc lợi theo Quy định của Công ty, bao gồm thưởng các ngày lễ theo quy định của Công ty, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo Luật của nhà nước và Công ty;
- Thời giờ làm việc, nghỉ ngơi: Theo chế độ ca, kíp của nhà máy;
- Được làm việc trong môi trường năng động, có nhiều cơ hội để phát triển bản thân.

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:**

T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	TH năm 2022	TH năm 2021	So sánh TH2022/ KH2022	So sánh TH2022/ TH2021
A	B	C	1	2	2	4=2/1	5=2/3
1	Điện thương phẩm	Tr.kwh	67,77	112,65	84,42	166,22%	136,68%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	93,11	134,47	105,07	144,42%	127,98%
3	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	56,44	61,75	60,43	109,40%	102,18%
4	LN trước thuế TNDN	Tỷ đồng	36,67	72,72	44,65	198,31%	162,89%
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	1,86	3,67	2,27	197,11%	161,69%
6	LN sau thuế TNDN	Tỷ đồng	34,81	69,05	42,38	198,38%	162,95%



Năm 2022 có thời tiết thuận lợi hơn năm 2021, vì vậy Nhà máy thủy điện Nước Trong phát điện với các chỉ tiêu đạt được vượt so với năm 2021. Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 144,42% so với kế hoạch và đạt 127,98% so với thực hiện năm 2021.

### **Kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng trong năm 2022:**

- Luôn chủ động trong công tác vận hành an toàn máy móc thiết bị, thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và vận hành thiết bị cơ điện nhà máy, trạm biến áp, đường dây và các hạng mục công trình thủy công... đảm bảo nhà máy thủy điện vận hành liên tục, không để sự cố do chủ quan xảy ra.

- Thực hiện phương án phối hợp điều tiết nguồn nước, đảm bảo để nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tối đa doanh thu của nhà máy;

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đến các Sở Ban ngành để đảm bảo công tác vận hành theo đúng quy định của pháp luật.

## **2. Tình hình tài chính**

### **a) Tình hình tài sản**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>% Tăng/giảm</b>
<b>I</b>	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>260.055,0</b>	<b>241.923,1</b>	<b>-6,97%</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>36.392,4</b>	<b>37.620,0</b>	<b>3,37%</b>
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	16.435,6	6.942,1	-57,76%
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	19.596,6	30.068,1	53,44%
1.3	Hàng tồn kho	234,5	459,7	96,03%
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	125,8	150,3	19,48%
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>223.662,5</b>	<b>204.303,1</b>	<b>-8,66%</b>
2.1	Tài sản cố định	214.914,0	202.918,6	-5,58%
2.2	Tài sản dở dang dài hạn	8.412,9	5,0	-99,94%
2.3	Tài sản dài hạn khác	335,6	1.379,4	311,03%
<b>II</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>260.055,0</b>	<b>241.923,1</b>	<b>-6,97%</b>
<b>1</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>93.464,8</b>	<b>64.521,8</b>	<b>-30,97%</b>
1.1	Nợ ngắn hạn	43.500,8	39.531,8	-9,12%
2.2	Nợ dài hạn	49.964,0	24.990,0	-49,98%
<b>2</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>166.590,2</b>	<b>177.401,3</b>	<b>6,49%</b>
2.1	Vốn góp của chủ sở hữu	108.020,5	108.020,5	0,00%
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	8.829,4	12.282,2	39,11%
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	49.740,2	57.098,6	14,79%

Tài sản dài hạn của Công ty chiếm hơn 80% trong Tổng tài sản, phản ánh đúng



đặc thù của doanh nghiệp thủy điện khi phần lớn tài sản của Công ty nằm trong các tài sản cố định như công trình, máy móc, thiết bị. So với năm 2021, tài sản dài hạn năm 2022 đạt giá trị 204,3 tỷ đồng, giảm 8,66% so với cùng kỳ.

Tính đến cuối năm 2022, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 37,62 tỷ đồng, tăng 3,37% so với năm 2021. Nguyên nhân bởi vì phần lớn Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 53,44%.

**b) Tình hình nợ phải trả:**

*DVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>43.500,8</b>	<b>39.531,8</b>	<b>-9,12%</b>
	Phải trả người bán ngắn hạn	1.822,9	2.845,8	56,11%
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.651,5	5.079,3	9,20%
	Phải trả người lao động	1.193,4	1.567,4	31,34%
	Chi phí phải trả ngắn hạn	2,1		-100,00%
	Phải trả ngắn hạn khác	7.874,4	1.538,6	-80,46%
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.724,0	24.974,0	-2,92%
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.232,5	3.526,8	57,98%
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>49.964,0</b>	<b>24.990,0</b>	<b>-49,98%</b>
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	49.964,0	24.990,0	-49,98%
	<b>Tổng cộng nợ phải trả</b>	<b>93.464,8</b>	<b>64.521,8</b>	<b>-30,97%</b>

Cơ cấu nợ vay của Công ty trong năm 2022 có sự thay đổi đáng kể khi tỷ trọng nợ dài hạn chiếm 38,73% tổng nợ phải trả (so với năm 2021 là 53,46%). Trong năm 2022, nợ dài hạn của Công ty là 24,99 tỷ đồng, giảm 49,98% so với năm 2021, nguyên nhân do Công ty đã hoàn tất chi trả các khoản nợ vay đến hạn trả.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- Sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý, phù hợp với khả năng và sở trường của từng người để tăng năng suất lao động.
- Thực hiện chủ trương tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có ý kiến kiểm toán.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

**Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Bảo vệ môi trường luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty trong mọi phương hướng kế hoạch hoạt động hằng năm. Công ty luôn hướng đến các hoạt động sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường thông qua việc phổ biến, tuyên truyền với các cấp lãnh đạo, CB-CNV, và người dân địa phương. Tổ chức các buổi hội thảo, qua đó thảo luận, đề xuất các biện pháp cải thiện công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải ngày càng tốt hơn. Công ty tổ chức phân loại chất thải không chỉ trong khu vực sản xuất kinh doanh mà còn tại các khu nhà trực vận hành để từng CB/CNV và người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở.

### **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Công ty coi con người là yếu tố trung tâm trong việc xây dựng và hình thành doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn đồng hành cùng Ban điều hành, phối hợp với các đoàn thể để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động cũng như tích cực tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ bền vững, hài hòa trong Công ty. Công ty luôn cung cấp đầy đủ các chế độ ưu đãi và thực hiện tốt việc chi trả lương, thưởng, cấp phát bảo hộ lao động theo đúng quy định, tham gia mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-NV, và tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Ngoài ra, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; kiểm tra, giám sát, chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, nguy cơ gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

### **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Trách nhiệm đối với cộng đồng là một chính sách nhất quán thể hiện mối quan hệ tương thân tương ái giữa doanh nghiệp và địa phương. Công ty luôn chú trọng công tác chăm lo tốt cho các hộ nghèo, cận nghèo trên tại địa phương. Những món quà, suất hỗ trợ được Công ty gửi tặng để động viên, giúp các hộ dân đang còn khó khăn có cuộc sống đầm ấm, an vui.



#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2022, cơ cấu nhân sự của Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện Nước Trong bao gồm 05 thành viên:

• Ông Nguyễn Văn Cao	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/05/2022 Bổ nhiệm lại ngày 22/07/2017 Miễn nhiệm ngày 27/05/2022
• Ông Nguyễn Đình Xuân	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 22/07/2017 Miễn nhiệm ngày 26/04/2022
• Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/05/2022
• Ông Huỳnh Văn Triêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020 Miễn nhiệm ngày 27/05/2022
• Ông Phạm Phong Thành	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm lại ngày 27/05/2022
• Bà Võ Thị Vân Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/05/2022
• Ông Trần Minh Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/05/2022

- HĐQT đã thực hiện quản lý Công ty theo Điều lệ tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.
- Năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành 16 Nghị quyết thông qua các hình thức tổ chức các phiên họp và lấy ý kiến bằng bản thảo để thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ đề ra, hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty; đồng thời thường xuyên trao đổi qua các phương tiện thông tin liên lạc để thống nhất giải quyết các vấn đề về điều hành SXKD.
- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định và mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự. Các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình ĐHĐCĐ biểu quyết tại các kỳ Đại hội.
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền; phê duyệt các Tờ trình của Giám đốc và nghe Giám đốc báo cáo, giải trình về kế hoạch SXKD của Công ty.
- Thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đề ra; đồng thời chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.
- Đưa ra các định hướng chiến lược cho hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty nhằm thực hiện các chỉ tiêu ĐHĐCĐ đề ra.
- Đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền 50%/cổ phiếu:
  - + Chi trả cổ tức bằng tiền của năm 2021 là 30%/cổ phiếu.
  - + Tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2022 là 20%/cổ phiếu (phần còn lại 10%/cổ phiếu theo kế hoạch, chốt ngày đăng ký cuối cùng: 24/02/2023, ngày thực hiện chi trả: 13/03/2023).
- Chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng và Báo cáo tài chính năm 2022.



- Hoàn thiện sơ đồ tổ chức hoạt động, điều chỉnh hệ thống văn bản điều hành tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của Công ty.
- Tính toán các phương án để nâng cao tự động hóa tại Nhà máy thủy điện Nước Trong nhằm tối ưu hoạt động sản xuất của Công ty.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong năm 2022 Công ty đã ban hành thay thế và bổ sung các văn bản lập quy nhằm tạo hành lang pháp lý giúp công tác quản trị và điều hành của Công ty quản lý được rủi ro.

- Năm qua, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ Công ty; phối hợp chặt chẽ với HĐQT triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 và các chủ trương của HĐQT.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được Ban điều hành triển khai thực hiện kịp thời, đúng yêu cầu như: ban hành một số quy trình nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy của Công ty.

- Ban Điều hành đã triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, đạt được kết quả như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	TH năm 2022	So sánh TH2022/ KH2022
A	B	C	1	2	4=2/1
1	Điện thương phẩm	Tr.kwh	67,77	112,65	166,22%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	93,11	134,47	144,42%
3	LN sau thuế TNDN	Tỷ đồng	34,81	69,05	198,38%

- Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và xem xét dòng tiền hiện tại, trong năm 2022 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền là 50%/cổ phiếu như sau:

+ Chi trả cổ tức bằng tiền của năm 2021 là 30%/cổ phiếu.

+ Tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2022 là 20%/cổ phiếu (phần còn lại 10%/cổ phiếu theo kế hoạch, chốt ngày đăng ký cuối cùng: 24/02/2023, ngày thực hiện chi trả: 13/03/2023).

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2023:

### 3.1. Giải pháp trong lĩnh vực SXKD, quản lý vận hành nhà máy thủy điện:

- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng - công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.



- Thực hiện duy tu bảo dưỡng, thí nghiệm định kỳ các thiết bị đầy đủ và đúng quy định hiện hành vào thời gian thích hợp để sẵn sàng cho việc phát điện và giảm thiểu suất sự cố xảy ra.
- Chấp hành tốt các quy trình, quy phạm trong công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện và các quy định trong an toàn điện.
- Tính toán tối ưu phát điện, trong đó tập trung vào việc phân tích, dự báo mực nước để phát điện đạt kết quả tối ưu, kết hợp với tính toán hiệu quả kinh tế phát điện vào giờ cao điểm, sử dụng kết quả phân tích để điều chỉnh phương án phát điện trong các trường hợp cụ thể.
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin về thời tiết, thủy văn trên địa bàn và các khu vực thượng lưu để chủ động trong hoạt động phát điện.

### **3.2. Công tác tài chính:**

Đảm bảo công tác thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ bán điện; trả gốc, lãi vay ngân hàng theo đúng kỳ hạn.

### **3.3. Công tác quản trị nhân lực:**

- Tạo điều kiện về môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài, người có chuyên môn, có trình độ năng lực, có kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Thường xuyên đánh giá năng lực và khả năng của CBNV để bố trí công việc phù hợp; mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý.
- Thực hiện chính sách khen thưởng công bằng, linh hoạt. Xem khen thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.

### **3.4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:**

- Hoàn thiện công tác Quyết toán vốn đầu tư hạng mục Chuyển đầu nối NMTĐ Nước Trong vào Trạm biến áp 220kV Sơn Hà.  
Thực hiện hạng mục Trồng cây xanh khu vực nhà máy Thủy điện Nước Trong, Hệ thống điện chiếu sáng khu vực Nhà máy và Nhà điều hành,...

### **3.5. Các công tác khác:**

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản điều hành, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho Công ty.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT.
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin định kỳ và bất thường cho cổ đông và công chúng theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Với những định hướng nêu trên, trong năm 2023: Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của

Công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông, từng bước chăm lo hơn nữa đến đời sống của CBCNV của Công ty.

Để hoàn thành những mục tiêu chung, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Nước Trong mong muốn nhận được sự ủng hộ và gắn bó lâu dài của Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể CBCNV Công ty.

***Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.***

Dựa trên tình hình thực tế về thời tiết, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng, định hướng một số chỉ tiêu cơ bản Kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:

<b>TT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Thực hiện năm 2022</b>	<b>Kế hoạch năm 2023</b>
1	Điện thương phẩm	Tr.kwh	112,65	67,83
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	134,47	90,32
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	61,75	54,52
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	72,72	35,79
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	3,67	1,81
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	69,05	33,98





## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### - Thành viên và cơ cấu:

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Nguyễn Văn Cao	Chủ tịch HĐQT	2.001.145	18,53%
2	Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT	499.731	4,63%
3	Trần Minh Huy	Thành viên HĐQT	206.100	1,91%
4	Võ Thụy Vân Khanh	Thành viên HĐQT	1.098.900	10,17%
5	Phạm Phong Thành	Thành viên HĐQT độc lập	100	0,001%

(\*) Theo danh sách cổ đông do VSD chốt ngày 24/03/2023.

Cơ cấu thành viên HĐQT tại ngày 31/12/2022.

#### 1.1. Ông Nguyễn Văn Cao – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN CAO**  
Giới tính: Nam  
Ngày tháng năm sinh: 12/08/1955  
Nơi sinh: Từ Sơn – Bắc Ninh  
CCCD: số 027055000220, ngày cấp: 18/03/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Từ Sơn – Bắc Ninh  
Địa chỉ thường trú: 92 Nguyễn Hữu Cảnh, (A4-14), Phường 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Số ĐT liên lạc: 0914105455  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp

#### Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
02/1978 - 12/1988	Cán bộ - Phân viện Quy hoạch – thiết kế nông nghiệp
01/1989 - 08/2015	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ - CTCP Xây dựng – Địa ốc Cao su
11/2007 – 04/2022	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
04/2022 – nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty:

Chủ tịch HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	2.001.145 cổ phiếu, chiếm 18,53% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	2.001.145 cổ phiếu, chiếm 18,53% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	- Nguyễn Thị Kim Hoa (Vợ): sở hữu 165.134 cổ phiếu, chiếm 1,53% vốn điều lệ. - Nguyễn Thị Thùy An (Con gái): sở hữu 170.600 cổ phiếu, chiếm 1,58% vốn điều lệ. - Nguyễn Cao Nguyên (Con trai): sở hữu 367.283 cổ phiếu, chiếm 3,40% vốn điều lệ. - Nguyễn Văn Hiến (Em trai): sở hữu 250.000 cổ phiếu, chiếm 2,31% vốn điều lệ. - Nguyễn Thị Sinh (Em gái): sở hữu 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,19% vốn điều lệ. - Trần Thị Định (Em dâu): sở hữu 41.000 cổ phiếu, chiếm 0,38% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi phạm pháp luật:	Không có

## 1.2. Ông Nguyễn Đình Thọ – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	NGUYỄN ĐÌNH THỌ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/05/1956
Nơi sinh:	Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
CCCD:	025056006386, ngày cấp: 17/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	31 Hoàng Văn Thụ, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Số điện thoại:	0988651887
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp Cơ khí
Quá trình công tác:	

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
11/1976 – 01/1981	Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Xây dựng 47



02/1981 – 12/1989	Đội phó Đội thi công Cơ giới - Công ty Xây dựng 47.
01/1990 – 12/2018	Giám đốc Xí nghiệp 7, Giám đốc Điều hành Mỏ - Công ty CP Xây dựng 47.
07/2017- nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty:	Thành viên HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	499.731 cổ phiếu, chiếm 4,63% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	499.731 cổ phiếu, chiếm 4,63% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	- Nguyễn Thị Bích Hồng (Con gái): sở hữu 40 cổ phiếu, chiếm 0,00037% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

### 1.3. Ông Trần Minh Huy – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	<b>TRẦN MINH HUY</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/12/1987
Nơi sinh:	Bình Định
CCCD:	052087000297, ngày cấp 03/07/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTHX
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Phổ Thuận - Đức Phổ - Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	45 Đường 12, KDC Him Lam, P. Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc:	0915598907
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Tài chính

#### Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
2012-2014	Chuyên viên Phòng Quan hệ khách hàng doanh nghiệp BIDV
2015-2016	Chuyên viên phân tích dự án, Công ty CP phát triển BDS Phát Đạt
2016-2018	Chuyên viên phụ trách tài chính Công ty TNHH Dulege Fire Protection Việt Nam
5/2022 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ: 206.100 cổ phiếu, chiếm 1,91% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 206.100 cổ phiếu, chiếm 1,91% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: - Nguyễn Thị Thảo Vương (Vợ): sở hữu 29.200 cổ phiếu, chiếm 0,27% vốn điều lệ

- Trần Minh Hòa (Bố đẻ): sở hữu 750.029 cổ phiếu, chiếm 6,94% vốn điều lệ

- Hồ Thị Sương (Mẹ đẻ): sở hữu 34.000 cổ phiếu, chiếm 0,31% vốn điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi phạm pháp luật: Không có

#### 1.4. Bà Võ Thụy Vân Khanh – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **VÕ THỤY VÂN KHANH**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/11/1977

Nơi sinh: Tiền Giang

CCCD: 082177000816, ngày cấp 18/11/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: 29 Thảo Điền, P. Thảo Điền, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.

Số ĐT liên lạc: 0903959900

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ

#### Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
2003-2006	Trưởng phòng Công ty CP Nhà đất Đô thị mới
2006-2021	Giám đốc Công ty Bất động sản Nhà Tôi
2016-2017	Phó giám đốc Công ty Bất động sản Khải Hoàn Land
5/2022 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Nước Trong



Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.  
 Số CP nắm giữ: 1.098.900 cổ phiếu, chiếm 10,17% vốn điều lệ  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 1.098.900 cổ phiếu, chiếm 10,17% vốn điều lệ  
 Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Nguyễn Thị Tuyết (mẹ đẻ): sở hữu 116.761 cổ phiếu, chiếm 1,08% vốn điều lệ  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có  
 Hành vi phạm pháp luật: Không có

### 1.5. Ông Phạm Phong Thành – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Họ và tên: **PHẠM PHONG THÀNH**  
**Giới tính:** Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 07/05/1980  
 Nơi sinh: Nghị Đức – Tánh Linh – Bình Thuận  
 CMND: 025848333, ngày cấp 27/11/2013, nơi cấp: TP Hồ Chí Minh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Quảng Nam  
 Địa chỉ thường trú: B3 -11-05 Chung cư Lê Thành, phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.  
 Số ĐT liên lạc: 0903111099  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
05/2003 – 05/2005	Cán bộ kinh doanh Công ty Internet NetNam
05/2005 – 06/2007	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Internet NetNam
07/2007 – 12/2007	Cán bộ phân tích và tư vấn CTCP CK Rông Việt
12/2007 – 09/2010	Cán bộ phòng môi giới CTCP CK Rông Việt
09/2010 – 12/2016	Trưởng phòng môi giới CTCP CK Rông Việt
01/2017 – 12/2017	Phó giám đốc Khối kinh doanh môi giới CTCP CK Rông Việt
01/2018 – nay	Giám đốc Khối kinh doanh môi giới CTCP CK Rông Việt
10/2017 – 10/2019	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Cao su Phước Hòa
7/2020 – Nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong.

Chức vụ công tác tại Công ty:	Thành viên độc lập HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Khối kinh doanh môi giới CTCP CK Rồng Việt
Số CP nắm giữ	100 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	100 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi phạm pháp luật:	Không có

- **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Tổ Kiểm toán nội bộ gồm 02 thành viên:
  - + Phạm Phong Thành : Tổ trưởng
  - + Trần Minh Huy : Thành viên
- **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**
  - + Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
  - + Giám sát việc thực hiện Kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua.
  - + Giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.
  - + Kiểm tra giám sát việc điều hành SXKD bám sát mục tiêu của Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
  - + Luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban giám đốc, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo thuận lợi cho công tác điều hành của Ban giám đốc.
  - + Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ.
  - + Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đình Xuân	2/12	16,7%	Ôm, có đơn xin từ nhiệm ngày 25/4/2022
2	Ông Nguyễn Văn Cao	12/12	100%	
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	12/12	100%	
4	Ông Huỳnh Văn Triêm	4/12	33,3%	Miễn nhiệm ngày 27/5/2022 do hết nhiệm kỳ
5	Ông Phạm Phong Thành	12/12	100%	
6	Bà Võ Thụy Vân Khanh	8/12	66,7%	Bỏ nhiệm ngày 27/05/2022
7	Ông Trần Minh Huy	8/12	66,7%	Bỏ nhiệm ngày 27/05/2022



+ Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ-HĐQT	10/01/2022	<p>Thông nhất các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022.</li> <li>- Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền của Công ty với Tỷ lệ: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày chốt DSCĐ tạm ứng cổ tức: 10/02/2022, ngày chi trả: 25/02/2022.</li> </ul>	100%
2	02/2022/QĐ-HĐQT	10/01/2022	Tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền: Tỷ lệ: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày chốt DSCĐ tạm ứng cổ tức: 10/02/2022, ngày chi trả: 25/02/2022.	
3	03/2022/QĐ-HĐQT	10/01/2022	Lương tháng 13 năm 2021 cho HĐQT, BKS và CBCNV Công ty	
4	04/2022/QĐ-HĐQT	10/01/2022	Thưởng năm 2021 cho Chủ tịch HĐQT Công ty	
5	06/2022/NQ-HĐQT	21/03/2022	Tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2021 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2021 bằng tiền của Công ty với Tỷ lệ: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày chốt DSCĐ thực ứng cổ tức: 06/04/2022, ngày chi trả: 22/04/2022.	100%
6	08/2022/NQ-HĐQT	05/04/2022	<p>Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 chậm nhất trước ngày 30/06/2022</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc chốt DSCĐ để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 với các nội dung như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngày chốt danh sách cổ đông: ngày 27/04/2022.</li> <li>+ Thời gian dự kiến tổ chức Đại hội cổ đông thường niên: ngày 27/05/2022.</li> <li>+ Địa điểm: Dự kiến tại Khách sạn Trung</li> </ul> </li> </ul>	100%

227  
 TỶ  
 AN  
 HIỆP  
 ONG  
 HUA

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Tâm (Central Hotel), 01 Lê Lợi - TP Quảng Ngãi	
7	13/2022/NQ-HĐQT	26/04/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT (Người đại diện theo pháp luật) và miễn nhiệm thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Nước Trong đối với ông Nguyễn Đình Xuân kể từ ngày 26/04/2022.</li> <li>- Bầu ông Nguyễn Văn Cao - Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT và là Người đại diện theo pháp luật của CTCP Thủy điện Nước Trong thay cho ông Nguyễn Đình Xuân kể từ ngày 26/04/2022.</li> </ul>	100%
8	14/2022/NQ-HĐQT	26/04/2022	<p>Thông nhất các nội dung để trình ĐHCĐ thường niên năm 2022:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BCTC năm 2021 đã được kiểm toán</li> <li>- Kết quả SXKD năm 2021, Phương án phân phối Lợi nhuận năm 2021</li> <li>- Kế hoạch SXKD và Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2022</li> <li>- Mức Lương chuyên trách/thù lao của HĐQT và BKS năm 2022</li> <li>- Thông qua thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành, CBCNV về vượt KH LNST TNDN năm 2021.</li> </ul>	100%
9	15/2022/QĐ-HĐQT	26/04/2022	Thưởng vượt kế hoạch LNST TNDN năm 2021 cho HĐQT, BKS, CBCNV Công ty	
10	26/2022/NQ-HĐQT	27/05/2022	Bầu ông Nguyễn Văn Cao giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Thủy điện Nước Trong nhiệm kỳ 2022 - 2027	100%
11	27/2022/NQ-HĐQT	27/05/2022	<p>Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán soát xét BCTC bán niên năm 2022 và BCTC năm 2022</p> <p>Thông qua việc chi trả cổ tức lần 3 năm 2021 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để chi trả cổ tức lần 3 năm 2021 bằng tiền như sau: Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày đăng ký cuối cùng chốt DSCĐ thực hiện chi trả cổ tức: 15/06/2022, ngày thực hiện chi trả cổ tức: 30/06/2022</p>	100%
12	28/2022/QĐ-HĐQT	28/05/2022	Thưởng vượt kế hoạch LNST TNDN năm 2021 cho HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty	
13	31/2022/NQ-HĐQT	02/07/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Quy chế Kiểm toán nội bộ</li> <li>- Thông qua thành lập Tổ Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị</li> </ul>	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	32/2022/NQ-HĐQT	02/07/2022	<p>1. Thống nhất các nội dung để trình Đại hội đồng cổ đông CTCP Thủy điện Nước Trong thông qua bằng cách thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở đăng ký của Công ty:</li> <li>+ Địa chỉ cũ: Lô B5 – Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.</li> <li>+ Địa chỉ mới: Thôn Nước Tang, xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.</li> <li>- ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định, thực hiện các công việc liên quan đến việc sửa đổi các Giấy phép, Điều lệ, Quy chế, Đăng ký kinh doanh và các văn bản tài liệu liên quan pháp nhân CTCP Thủy điện Nước Trong theo quy định pháp luật về việc thay đổi địa chỉ trụ sở đăng ký của CTCP Thủy điện Nước Trong nêu trên</li> </ul> <p>2. Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản với các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày chốt danh sách cổ đông: ngày 25/07/2022.</li> <li>- Thời gian dự kiến thực hiện lấy ý kiến cổ đông: từ ngày 01/08/2022 đến ngày 16/08/2022.</li> <li>- Thời gian kiểm phiếu và công bố nghị quyết ĐHCĐ: ngày 17/08/2022.</li> <li>- Nội dung lấy ý kiến cổ đông: Thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở đăng ký của Công ty.</li> </ul>	100%
15	33/2022/NQ-HĐQT	02/07/2022	<p>Thông qua Chủ trương đầu tư các hạng mục sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Chủ trương đầu tư hạng mục: Nâng cấp hệ thống chiếu sáng khu vực NMTĐ Nước Trong.</li> <li>- Thông qua phê duyệt Chủ trương thực hiện Sửa chữa cách điện Roto tổ máy H1 của NMTĐ Nước Trong.</li> <li>- Thông qua phê duyệt Chủ trương thực hiện Thí nghiệm, hiệu chỉnh định kỳ Thiết bị NMTĐ Nước Trong.</li> </ul> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định, phê duyệt các bước tiếp theo để thực hiện hạng mục nêu trên.</p>	100%
16	34/2022/QĐ-HĐQT	02/07/2022	V/v thành lập Tổ Kiểm toán nội bộ	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	35/2022/QĐ-HĐQT	16/07/2022	Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá Gói thầu: Sửa chữa cách điện Rotor tổ máy H1 - NMTĐ Nước Trong	
18	38/2022/QĐ-HĐQT	01/08/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Sửa chữa xử lý cách điện Rotor tổ máy H1 - NMTĐ Nước Trong	
19	39/2022/QĐ-HĐQT	01/08/2022	Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá Gói thầu: Kiểm định, thí nghiệm định kỳ thiết bị điện NMTĐ Nước Trong	
20	40/2022/QĐ-HĐQT	15/08/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Kiểm định, thí nghiệm định kỳ thiết bị điện NMTĐ Nước Trong	
21	41/2022/NQ-HĐQT	15/08/2022	Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 bằng tiền của Công ty như sau: Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày chốt DSCĐ thực hiện tạm ứng cổ tức: 30/08/2022, ngày thực hiện tạm ứng: 15/09/2022	100%
22	45/2022/NQ-HĐQT	22/08/2022	Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 bằng tiền và thay đổi ngày chốt DSCĐ để tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 bằng tiền của Công ty như sau: Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày chốt DSCĐ thực hiện tạm ứng cổ tức: 12/09/2022, ngày thực hiện tạm ứng: 27/09/2022. - Lý do thay đổi thời gian tạm ứng cổ tức: Đảm bảo thời gian thực hiện chốt DSCĐ tạm ứng cổ tức theo quy định của VSD.	100%
23	47/2022/NQ-HĐQT	24/08/2022	Thành lập văn phòng đại diện của Công ty - Tên VPĐD: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG. - Địa chỉ VPĐD: Lô B5 - Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc, P.Trần Phú, TP.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam. - Nội dung hoạt động: Giao dịch và thực hiện những nhiệm vụ khác do Công ty ủy quyền.	100%
24	51/2022/NQ-HĐQT	02/11/2022	Tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2022 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2022 bằng tiền của Công ty như sau: tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày chốt DSCĐ thực hiện tạm ứng cổ tức: 07/12/2022, ngày thực hiện tạm ứng: 22/12/2022.	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
25	53/2022/NQ-HĐQT	26/12/2022	Kế hoạch SXKD năm 2023 và các vấn đề về tiền lương, tiền thưởng của CB-CNV Công ty	100%
26	54/2022/QĐ-HĐQT	26/12/2022	Thưởng Tết Dương lịch năm 2023 cho HĐQT, BKS và CBCNV Công ty	
27	55/2022/QĐ-HĐQT	26/12/2022	Lương tháng 13 năm 2022 cho HĐQT, BKS và CBCNV Công ty	
28	56/2022/QĐ-HĐQT	26/12/2022	Điều chỉnh lương, thù lao, phụ cấp của Người lao động	
29	57/2022/NQ-HĐQT	27/12/2022	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.	100%
30	58/2022/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Miễn nhiệm Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Thanh Xuân từ ngày 01/01/2023 do hết hạn HĐLĐ.	
31	59/2022/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Miễn nhiệm Trưởng phòng Kinh tế Tổng hợp đối với ông Ngô Trung Dũng từ ngày 01/01/2023	
32	60/2022/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Miễn nhiệm Kế toán trưởng Công ty đối với ông Ngô Trung Dũng từ ngày 01/01/2023	
33	61/2022/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Miễn nhiệm PGĐ phụ trách Tài chính Quản trị Công ty đối với ông Ngô Trung Dũng từ ngày 01/01/2023	
34	62/2022/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Bổ nhiệm Giám đốc Công ty đối với ông Ngô Trung Dũng từ ngày 01/01/2023	
35	63/2022/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty đối với ông Trần Đức Nhật từ ngày 01/01/2023	
36	64/2022/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Bổ nhiệm ông Trần Đức Nhật kiêm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kinh tế Tổng hợp từ ngày 01/01/2023	

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: đúng theo chức năng, quy định.
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu:

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Huỳnh Thị Kim Cúc	Trưởng BKS	30.058	0,28%
2	Nguyễn Hữu Quang	Thành viên BKS	23.177	0,21%
3	Hoàng Thị Thùy	Thành viên BKS	5.000	0,05%

(\*) Theo danh sách cổ đông do VSD chốt ngày 24/03/2023.

Cơ cấu thành viên HĐQT tại ngày 31/12/2022.

### 1. Bà Huỳnh Thị Kim Cúc – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **HUỲNH THỊ KIM CÚC**  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày tháng năm sinh: 21/03/1977  
 Nơi sinh: Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi  
 CMND: 211972683, ngày cấp: 01/11/2008, nơi cấp: CA Quảng Ngãi  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi  
 Địa chỉ thường trú: Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.  
 Số ĐT liên lạc: 0905338785  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
05/1997 – 02/2003	Tổ trưởng CCS – Phòng KCS Nhà máy Đường Phổ Phong - Công ty Đường Quảng Ngãi
02/2003 – 12/2017	Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng - Công ty CP 20/7
11/2011 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.  
 Số CP nắm giữ (thời điểm 10/02/2022): 30.058 cổ phiếu, chiếm 0,28% vốn điều lệ  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 30.058 cổ phiếu, chiếm 0,28% vốn điều lệ  
 Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: -Trần Thị Tường (Chị dâu): sở hữu 60.000 cổ phiếu, chiếm 0,56% vốn điều lệ.  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

### 2. Ông Nguyễn Hữu Quang – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN HỮU QUANG**



Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 09/08/1968  
 Nơi sinh: Xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang  
 CMND: 025101927, ngày cấp: 20/9/2012, nơi cấp: Công an TP Hồ Chí Minh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang  
 Địa chỉ thường trú: 43B, đường số 9, Khu A, Khu phố 1, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.  
 Số ĐT liên lạc: 0902379898  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện công nghiệp

**Quá trình công tác**

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ – Nơi làm việc</b>
02/1992 – 08/1999	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Điện lực tỉnh Tiền Giang
02/1999 – 06/2006	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Điện lực Tân Thuận – Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh
06/2006 - nay	Giám đốc - Công ty TNHH Gia Long VN – TP.HCM
07/2017- nay	Thành viên BKS - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS  
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Gia Long VN – TP Hồ Chí Minh  
 Số CP nắm giữ (thời điểm 10/02/2022) 23.177 cổ phiếu, chiếm 0,21% vốn điều lệ  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 23.177 cổ phiếu, chiếm 0,21% vốn điều lệ  
 Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Phạm Thị Kim Chi (vợ) sở hữu 75.000 cổ phiếu, chiếm 0,69% vốn điều lệ  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có  
 Hành vi phạm pháp luật: Không có

**3. Bà Hoàng Thị Thùy – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **HOÀNG THỊ THÙY**  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày tháng năm sinh: 05/02/1985

Nơi sinh: Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh  
 Căn cước công dân: 042185000127, ngày cấp: 28/12/2015, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh  
 Địa chỉ thường trú: 39E đường số 9, KP4, phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh  
 Số ĐT liên lạc: 0945401409  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

**Quá trình công tác**

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ – Nơi làm việc</b>
10/2006 – 02/2020	Kế toán tổng hợp – Đội Xây dựng cầu đường số 1 - Công ty CP Xây dựng địa ốc Cao Su
01/2007 – 06/2011	Kế toán Tổng hợp - Công ty CP Sao Mai
01/2013 - nay	Kế toán trưởng - Công ty TNHH TMDV Đô Thành
07/2017- nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS  
 Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng - Công ty TNHH TMDV Đô Thành.  
 Số CP nắm giữ (thời điểm 10/02/2022) 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ  
 Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Không có  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có  
 Hành vi phạm pháp luật: Không có

**Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành công ty đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của từng người, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định.

**Các cuộc họp của BKS**



STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Huỳnh Thị Kim Cúc	5/5	100%	100%	
2	Bà Hoàng Thị Thùy	5/5	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Hữu Quang	5/5	100%	100%	

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

Họ tên	Chức vụ	Khoản mục	Năm 2022
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Ông Nguyễn Đình Xuân	Cựu Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	666.500.000
		Thù lao	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Cao	Tân Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	391.000.000
		Thù lao	32.000.000
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT	Thưởng	120.000.000
		Thù lao	96.000.000
Ông Phạm Phong Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổ trưởng tổ KTNB	Thưởng	124.000.000
		Thù lao	120.000.000
Bà Võ Thị Vân Khanh	Thành viên HĐQT	Thưởng	8.000.000
		Thù lao	56.000.000
Ông Trần Minh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên tổ KTNB	Thưởng	10.000.000
		Thù lao	68.000.000
Ông Huỳnh Văn Triêm	Cựu Thành viên HĐQT	Thưởng	112.000.000
		Thù lao	40.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà Huỳnh Thị Kim Cúc	Trưởng ban kiểm soát	Thưởng	160.500.000
		Thù lao	144.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên BKS	Thưởng	52.500.000
		Thù lao	36.000.000
Bà Hoàng Thị Thùy	Thành viên BKS	Thưởng	52.500.000
		Thù lao	36.000.000
<b>Ban điều hành</b>			
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Giám đốc	Lương, thưởng	565.692.305
Ông Ngô Trung Dũng	PGĐ Tài chính kiêm kế toán trưởng	Lương, thưởng	513.557.692
		Thù lao	36.000.000
Ông Lê Văn Hưng	PGĐ kỹ thuật	Lương, thưởng	459.125.000

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông lớn/cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (*)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đình Xuân	Cổ đông nội bộ	116.761	1,08%	0	0%	Bán (sau khi không còn là CD nội bộ)
2	Nguyễn Văn Cao	Cổ đông nội bộ	1.874.945	17,36%	2.001.145	18,53%	Mua
3	Nguyễn Đình Thọ	Cổ đông nội bộ	489.831	4,53%	497.231	4,60%	Mua
4	Trần Minh Huy	Cổ đông nội bộ	180.400	1,67%	205.000	1,90%	Mua
5	Trần Minh Hòa	Cổ đông lớn	747.329	6,92%	750.029	6,94%	Mua
6	Huỳnh Thị Kim Cúc	Cổ đông nội bộ	40.058	0,37%	30.058	0,28%	Bán

(\*) Theo danh sách cổ đông do VSD chốt ngày 30/12/2021 và 07/12/2022.

### 3.3. Hợp đồng/Giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

032  
 TG  
 KH  
 VD  
 TR  
 TT



## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

### I. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

---

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc  
*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1*  
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2023

---

Dương Thị Vân Thanh – Kiểm toán viên  
*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2021-010-1*



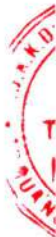
## II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN:

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN;

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.620.047.680</b>	<b>36.392.414.565</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.942.053.156</b>	<b>16.435.589.483</b>
1. Tiền	111	5	942.053.156	16.435.589.483
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	6.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.068.060.342</b>	<b>19.596.580.135</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.913.074.924	18.996.535.345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	130.500.000	488.336.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	24.485.418	111.708.790
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	10	<b>459.650.363</b>	<b>234.484.332</b>
1. Hàng tồn kho	141		459.650.363	234.484.332
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>150.283.819</b>	<b>125.760.615</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	150.283.819	125.760.615
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>204.303.069.121</b>	<b>223.662.547.413</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>202.918.647.510</b>	<b>214.914.041.652</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	202.824.653.712	214.820.047.854
- Nguyên giá	222		395.374.774.395	386.928.721.141
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.550.120.683)	(172.108.673.287)
2. Tài sản cố định vô hình	227		93.993.798	93.993.798
- Nguyên giá	228	13	93.993.798	93.993.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.000.000</b>	<b>8.412.859.583</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.000.000	8.412.859.583
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.379.421.611</b>	<b>335.646.178</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	1.379.421.611	335.646.178
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>241.923.116.801</b>	<b>260.054.961.978</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>64.521.815.066</b>	<b>93.464.785.926</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.531.815.077</b>	<b>43.500.785.937</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.845.803.914	1.822.946.326
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	5.079.292.951	4.651.466.115
3. Phải trả người lao động	314		1.567.408.811	1.193.422.630
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	-	2.054.795
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.538.554.847	7.874.428.660
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.a	24.974.000.000	25.724.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.526.754.554	2.232.467.411
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.989.999.989</b>	<b>49.963.999.989</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.b	24.989.999.989	49.963.999.989
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>177.401.301.735</b>	<b>166.590.176.052</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>177.401.301.735</b>	<b>166.590.176.052</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	108.020.530.000	108.020.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.020.530.000	108.020.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	12.282.153.128	8.829.448.355
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	57.098.618.607	49.740.197.697
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	16.554.038.697	11.600.715.272
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	40.544.579.910	38.139.482.425
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>241.923.116.801</b>	<b>260.054.961.978</b>



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	134.307.128.021	105.001.355.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		134.307.128.021	105.001.355.092
4. Giá vốn hàng bán	11	21	50.628.499.207	47.395.148.028
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>83.678.628.814</b>	<b>57.606.207.064</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	158.895.259	67.036.658
7. Chi phí tài chính	22	23	6.403.347.397	8.570.292.895
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	6.403.347.397	8.570.292.895
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	4.700.926.283	4.346.231.272
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>72.733.250.393</b>	<b>44.756.719.555</b>
11. Thu nhập khác	31		1.962.200	2.980.000
12. Chi phí khác	32	25	12.844.808	113.759.883
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(10.882.608)</b>	<b>(110.779.883)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>72.722.367.785</b>	<b>44.645.939.672</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.668.272.329	2.268.736.978
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>69.054.095.456</b>	<b>42.377.202.694</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	6.073	3.655
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	6.073	3.655





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		123.390.588.442	114.148.544.099
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(16.098.549.222)	(18.582.011.984)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.927.908.047)	(9.748.170.661)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	16,23	(5.361.065.920)	(8.655.730.529)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(2.353.736.980)	(1.691.478.641)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.572.136.988	10.522.913.210
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.727.434.176)	(21.773.585.586)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>77.494.031.085</b>	<b>64.220.479.908</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(38.193.671)	(3.023.089.858)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	158.895.259	67.036.658
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>120.701.588</b>	<b>(2.956.053.200)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	3.750.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(25.724.000.000)	(31.174.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17,19	(61.384.269.000)	(32.307.510.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(87.108.269.000)</b>	<b>(59.731.510.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(9.493.536.327)</b>	<b>1.532.916.708</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.435.589.483	14.902.672.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>6.942.053.156</b>	<b>16.435.589.483</b>

322  
GT  
HÀ  
DI  
TR  
IT.0

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000027 ngày 11 tháng 02 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300322171) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/08/2022. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 19/06/2019 với mã chứng khoán là NTH.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất điện.**

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, kinh doanh mua và bán điện;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi, xây lắp công trình điện và trạm biến áp có cấp điện áp 35 kV;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, địa ốc và bất động sản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Buôn bán kim loại và quặng kim loại: Buôn bán sắt, thép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê các loại thiết bị cơ giới;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Điều hành tua du lịch.

#### **1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**





Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

#### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

##### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **4.2 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

##### **4.4 Tài sản cố định hữu hình**

###### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

###### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu

dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 17
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

#### **4.5 Tài sản cố định vô hình**

##### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### ***Quyền sử dụng đất***

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### ***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được tạo ra.

#### **4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### **4.8 Chi phí phải trả**



Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

##### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

#### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

#### **4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó. Theo đó, tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

#### **4.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

#### **4.13 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

#### **4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

#### **4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

#### **4.16 Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

###### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm. Giai đoạn từ ngày 01/2/2022 đến 31/12/2022, Công ty áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
  - + Đối với dự án thủy điện:
    - Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2012 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Nước Trong đi vào hoạt động, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2012 đến năm 2026.
    - Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi dự án có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2015 là năm đầu tiên dự án phát sinh thu nhập chịu thuế. Theo đó, dự án được miễn thuế từ năm 2015 đến năm 2018 và giảm 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2019 đến năm 2027.
  - + Đối với các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### **4.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

322  
S.T.  
H.A.  
Đ.I.  
T.R.O.  
1.0



## 5. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	747.965.585	53.511.606
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	194.087.571	16.382.077.877
<b>Cộng</b>	<b>942.053.156</b>	<b>16.435.589.483</b>

## 6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	6.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>

## 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	29.913.074.924	18.996.535.345
<b>Cộng</b>	<b>29.913.074.924</b>	<b>18.996.535.345</b>

## 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Viện Tài nguyên môi trường nước	-	325.544.000
Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt	12.500.000	12.500.000
Công ty TNHH Khảo sát & Phát triển công nghệ Địa Việt	76.000.000	76.000.000
Công ty TNHH Công nghệ môi trường Quảng Ngãi	42.000.000	42.000.000
Các đối tượng khác	-	32.292.000
<b>Cộng</b>	<b>130.500.000</b>	<b>488.336.000</b>

## 9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
Tạm ứng	21.685.418	108.908.790
Ký quỹ, ký cược	2.800.000	2.800.000
<b>Cộng</b>	<b>24.485.418</b>	<b>111.708.790</b>

## 10. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	59.248.090	-	61.179.178	-
Công cụ, dụng cụ	400.402.273	-	173.305.154	-
<b>Cộng</b>	<b>459.650.363</b>	<b>-</b>	<b>234.484.332</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2022.
- Không có hàng tồn kho mất phẩm chất tại ngày 31/12/2022.

## 11. Chi phí trả trước

### a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm	43.254.909	75.696.089
Các khoản khác	107.028.910	50.064.526
<b>Cộng</b>	<b>150.283.819</b>	<b>125.760.615</b>

### b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí kiểm nghiệm, thí nghiệm định kỳ	252.493.676	-
Chi phí sửa chữa	245.333.332	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	366.156.341	305.509.836
Chi phí cấp phép khai thác, sử dụng mặt nước	345.902.728	-
Các khoản khác	169.535.534	30.136.342
<b>Cộng</b>	<b>1.379.421.611</b>	<b>335.646.178</b>

## 12. Tài sản cố định hữu hình



	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	127.597.945.414	170.474.614.849	88.761.803.933	94.356.945	386.928.721.141
Mua sắm trong năm	-	-	33.193.671	-	33.193.671
Đ/tư XD CB h/thành	-	-	8.412.859.583	-	8.412.859.583
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>127.597.945.414</b>	<b>170.474.614.849</b>	<b>97.207.857.187</b>	<b>94.356.945</b>	<b>395.374.774.395</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	50.100.915.508	79.098.243.101	42.815.157.733	94.356.945	172.108.673.287
Khấu hao trong năm	6.109.508.184	8.690.583.432	5.641.355.780	-	20.441.447.396
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>56.210.423.692</b>	<b>87.788.826.533</b>	<b>48.456.513.513</b>	<b>94.356.945</b>	<b>192.550.120.683</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	77.497.029.906	91.376.371.748	45.946.646.200	16.332.687	214.820.047.854
<b>Số cuối năm</b>	<b>71.387.521.722</b>	<b>82.685.788.316</b>	<b>48.751.343.674</b>	<b>-</b>	<b>202.824.653.712</b>

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 147.919.550.785 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 3.786.752.147 đồng.

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	93.993.798	93.993.798
Mua trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>93.993.798</b>	<b>93.993.798</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	93.993.798	93.993.798
<b>Số cuối năm</b>	<b>93.993.798</b>	<b>93.993.798</b>

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại Thửa đất số B5- Khu đất IVB1 Nam Sông Trà Khúc – Thành phố Quảng Ngãi.

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi	2.077.282.852	1.295.576.178
Quỹ Bảo vệ & Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi	746.797.392	514.292.148
Các đối tượng khác	21.723.670	13.078.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.845.803.914</u></b>	<b><u>1.822.946.326</u></b>

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	1.654.458.387	10.603.733.903	11.918.106.016	340.086.274
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.653.736.978	3.668.272.329	2.353.736.980	2.968.272.327
Thuế thu nhập cá nhân	11.511.233	3.643.290.023	3.023.502.500	631.298.756
Thuế tài nguyên	1.331.759.517	10.501.915.554	10.694.039.477	1.139.635.594
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí và lệ phí	-	897.706.000	897.706.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.651.466.115</u></b>	<b><u>29.317.917.809</u></b>	<b><u>28.890.090.973</u></b>	<b><u>5.079.292.951</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Trích trước lãi vay	-	2.054.795
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.054.795</u></b>

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	973.575	7.179.660
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	493.245.000	7.867.249.000
Chi phí lãi vay phải trả	1.044.336.272	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.538.554.847</u></b>	<b><u>7.874.428.660</u></b>

#### 18. Vay và nợ thuê tài chính

##### a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

30  
CƠ  
CƠ  
UY  
JOC  
VGA



	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	750.000.000	-	750.000.000	-
- Ngô Trung Dũng	750.000.000	-	750.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	24.974.000.000	24.974.000.000	24.974.000.000	24.974.000.000
- Ngân hàng NN và PTNN Tỉnh Quảng Ngãi	24.974.000.000	24.974.000.000	24.974.000.000	24.974.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.724.000.000</b>	<b>24.974.000.000</b>	<b>25.724.000.000</b>	<b>24.974.000.000</b>

#### b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	74.937.999.989	-	24.974.000.000	49.963.999.989
- Ngân hàng NN và PTNN Tỉnh Quảng Ngãi	74.937.999.989	-	24.974.000.000	49.963.999.989
<b>Cộng</b>	<b>74.937.999.989</b>	<b>-</b>	<b>24.974.000.000</b>	<b>49.963.999.989</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	24.974.000.000			24.974.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>49.963.999.989</b>			<b>24.989.999.989</b>

Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Quảng Ngãi theo các hợp đồng vay sau:

+ Hợp đồng vay số 01/2009/VBAQNg-NC ngày 18/03/2009 và các phụ lục hợp đồng vay. Thời hạn vay: 180 tháng và phương thức cho vay: Theo dự án đầu tư. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong. Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp theo từng giai đoạn. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng vay số 4500-LAV-202100086 ngày 19/01/2021 với thời hạn vay: 46 tháng và phương thức cho vay: Theo dự án đầu tư. Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư đường dây 35kV đấu nối Nhà máy thủy điện Nước Trong vào TBA 220kV Sơn Hà. Lãi suất cho vay: 10,4%/năm. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

32  
GT  
HÀ  
ĐI  
TRO  
T.O'

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	108.020.530.000	6.710.588.220	42.026.258.372	156.757.376.592
Tăng trong năm	-	2.118.860.135	42.377.202.694	44.496.062.829
Giảm trong năm	-	-	34.663.263.369	34.663.263.369
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>108.020.530.000</b>	<b>8.829.448.355</b>	<b>49.740.197.697</b>	<b>166.590.176.052</b>
Số dư tại 01/01/2022	108.020.530.000	8.829.448.355	49.740.197.697	166.590.176.052
Tăng trong năm	-	3.452.704.773	69.054.095.456	72.506.800.229
Giảm trong năm	-	-	61.695.674.546	61.695.674.546
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>108.020.530.000</b>	<b>12.282.153.128</b>	<b>57.098.618.607</b>	<b>177.401.301.735</b>

## b. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.802.053	10.802.053
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.802.053	10.802.053
- Cổ phiếu phổ thông	10.802.053	10.802.053
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.802.053	10.802.053
- Cổ phiếu phổ thông	10.802.053	10.802.053
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

## c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	49.740.197.697	42.026.258.372
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	69.054.095.456	42.377.202.694
Phân phối lợi nhuận	61.695.674.546	34.663.263.369
Phân phối lợi nhuận năm trước	33.186.159.000	30.425.543.100
+ Trả cổ tức cho cổ đông	32.406.159.000	29.165.543.100
+ Trích thưởng cho HĐQT, BKS và Ban điều hành	780.000.000	1.260.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	28.509.515.546	4.237.720.269
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	3.452.704.773	2.118.860.135
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.452.704.773	2.118.860.134
+ Chia trả cổ tức	21.604.106.000	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>57.098.618.607</b>	<b>49.740.197.697</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2021 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 24/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2022.



#### d. Cổ tức

Trả cổ tức năm 2021: Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 27/05/2022 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2021 bằng tiền là 30% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 32.406.159.000 đồng). Theo đó, việc chi trả cổ tức thực hiện như sau:

- Tạm ứng cổ tức năm 2021 (đợt 1) bằng tiền là 10% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 10.802.053.000 đồng), đã chi trả từ ngày 25/02/2022;
- Tạm ứng cổ tức năm 2021 (đợt 2) bằng tiền là 10% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 10.802.053.000 đồng), đã chi trả từ ngày 22/04/2022;
- Chi trả cổ tức năm 2021 (đợt 3) bằng tiền là 10% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 10.802.053.000 đồng), đã chi trả từ ngày: 30/06/2022.

Tạm ứng cổ tức năm 2022:

- Tạm ứng cổ tức năm 2022 (đợt 1) bằng tiền là 10% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 10.802.053.000 đồng), đã chi trả từ ngày 15/09/2022;
- Tạm ứng cổ tức năm 2022 (đợt 2) bằng tiền là 10% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 10.802.053.000 đồng), đã chi trả từ ngày 22/12/2022.

#### 20. Doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán điện thương phẩm	134.307.128.021	105.001.355.092
<b>Cộng</b>	<b><u>134.307.128.021</u></b>	<b><u>105.001.355.092</u></b>

#### 21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn điện thương phẩm	50.628.499.207	47.395.148.028
<b>Cộng</b>	<b><u>50.628.499.207</u></b>	<b><u>47.395.148.028</u></b>

#### 22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	158.895.259	67.036.658
<b>Cộng</b>	<b><u>158.895.259</u></b>	<b><u>67.036.658</u></b>

#### 23. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	6.403.347.397	8.570.292.895
<b>Cộng</b>	<b><u>6.403.347.397</u></b>	<b><u>8.570.292.895</u></b>

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	3.247.687.778	3.253.324.746
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.006.609	49.201.390
Chi phí khấu hao TSCĐ	202.428.350	198.906.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.188.229	248.332.426
Chi phí bằng tiền khác	865.615.317	596.466.578
<b>Cộng</b>	<b><u>4.700.926.283</u></b>	<b><u>4.346.231.272</u></b>

**25. Chi phí khác**

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền chậm nộp	12.844.808	113.759.883
<b>Cộng</b>	<b><u>12.844.808</u></b>	<b><u>113.759.883</u></b>

**26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.722.367.785	44.645.939.672
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	643.078.808	728.799.883
- Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	643.078.808	728.799.883
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	73.365.446.593	45.374.739.555
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>3.668.272.329</u></b>	<b><u>2.268.736.978</u></b>

**27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	69.054.095.456	42.377.202.694
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.452.704.773)	(2.898.860.134)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành)	3.452.704.773	2.898.860.134
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	65.601.390.683	39.478.342.560
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.802.053	10.802.053
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>6.073</u></b>	<b><u>3.655</u></b>

Lãi cơ bản, suy giảm năm 2022 được tính khi chưa giảm trừ số trích lập quỹ thưởng cho HĐQT và BKS. Số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định phê duyệt mức trích quỹ tại Đại hội cổ đông kế tiếp.

**28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**



	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.800.731.065	10.928.048.383
Chi phí nhân công	7.051.382.581	7.194.337.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.441.447.396	20.822.106.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.386.764.809	3.289.609.087
Chi phí khác bằng tiền	12.649.099.639	9.507.277.973
<b>Cộng</b>	<b>55.329.425.490</b>	<b>51.741.379.300</b>

## 29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động tại Công ty, Ban giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện thương phẩm và bộ phận địa lý là Việt Nam.

## 30. Quản lý rủi ro

### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

#### Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, phụ tùng và dịch vụ từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Với đặc điểm là chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động sản xuất của Công ty cộng với chính sách quản lý về giá như trên, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng rủi ro biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức rất thấp.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Khách hàng chủ yếu của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Với đặc điểm kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách

hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2022</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	2.845.803.914	-	2.845.803.914
Vay và nợ thuê tài chính	24.974.000.000	24.989.999.989	49.963.999.989
Phải trả khác	1.537.581.272	-	1.537.581.272
<b>Cộng</b>	<b>29.357.385.186</b>	<b>24.989.999.989</b>	<b>54.347.385.175</b>

<b>01/01/2022</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	1.822.946.326	-	1.822.946.326
Chi phí phải trả	2.054.795	-	2.054.795
Vay và nợ thuê tài chính	25.724.000.000	49.963.999.989	75.687.999.989
Phải trả khác	7.867.249.000	-	7.867.249.000
<b>Cộng</b>	<b>35.416.250.121</b>	<b>49.963.999.989</b>	<b>85.380.250.110</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>31/12/2022</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.942.053.156	-	6.942.053.156
Phải thu khách hàng	29.913.074.924	-	29.913.074.924
Phải thu khác	2.800.000	-	2.800.000
<b>Cộng</b>	<b>36.857.928.080</b>	<b>-</b>	<b>36.857.928.080</b>

<b>01/01/2022</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.435.589.483	-	16.435.589.483
Phải thu khách hàng	18.996.535.345	-	18.996.535.345
Phải thu khác	2.800.000	-	2.800.000
<b>Cộng</b>	<b>35.434.924.828</b>	<b>-</b>	<b>35.434.924.828</b>

## 31. Thông tin về các bên liên quan

### a) Các bên liên quan



		<b>Mối quan hệ</b>	
Ông Ngô Trung Dũng		Giám đốc	

**b) Các giao dịch trọng yếu với các bên liên qua phát sinh trong năm**

Giao dịch		Năm 2022	Năm 2021
Ông Ngô Trung Dũng	Vay	-	750.000.000
	Trả nợ gốc vay	750.000.000	1.000.000.000
	Trả lãi vay	30.237.924	38.876.712

**c) Số dư cuối kỳ với bên liên quan**

Khoản mục		31/12/2022	01/01/2022
Ông Ngô Trung Dũng	Vay và nợ thuê tài chính	-	750.000.000

**d) Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

			Năm 2022	Năm 2021
Ông Nguyễn Văn Cao	Tân Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	391.000.000	82.000.000
		Thù lao	32.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Đình Xuân	Cựu Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	666.500.000	1.433.500.000
		Thù lao	120.000.000	360.000.000
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT	Thưởng	120.000.000	82.000.000
		Thù lao	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Phong Thành	Thành viên HĐQT kiêm Kiểm toán nội bộ	Thưởng	124.000.000	70.000.000
		Thù lao	120.000.000	96.000.000
Bà Võ Thị Vân Khanh	Thành viên HĐQT	Thưởng	8.000.000	-
		Thù lao	56.000.000	-
Ông Trần Minh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Kiểm toán nội bộ	Thưởng	10.000.000	-
		Thù lao	68.000.000	-
Ông Huỳnh Văn Triêm	Thành viên HĐQT	Thưởng	112.000.000	70.000.000
		Thù lao	40.000.000	96.000.000
Bà Huỳnh Thị Kim Cúc	Trưởng ban kiểm soát	Thưởng	160.500.000	121.100.000
		Thù lao	144.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên Ban kiểm soát	Thưởng	52.500.000	33.000.000
		Thù lao	36.000.000	36.000.000
Bà Hoàng Thị Thùy	Thành viên Ban kiểm soát	Thưởng	52.500.000	33.000.000
		Thù lao	36.000.000	36.000.000
Ông Ngô Trung Dũng	Tân Giám đốc Thư ký	Lương, thưởng	513.557.692	469.865.384
		Thù lao	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Cựu Giám đốc	Lương, thưởng	565.692.305	527.115.383
Ông Lê Văn Hưng	Phó Giám đốc kỹ thuật	Lương, thưởng	459.125.000	421.635.898

**32. Cam kết thuê hoạt động**

Theo Công văn số 2894/UBND-CNXD ngày 27/09/2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi và Hợp đồng thuê đất số 200/HĐTD ngày 30/12/2016 giữa Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi và Công ty thi Công ty đã thuê 12.622,6 m<sup>2</sup> đất tại xã Sơn Bao, Huyện Sơn Hà, Tỉnh Quảng Ngãi để xây dựng Nhà máy Thủy điện Nước Trong, cụ thể như sau:

- Thời hạn thuê: 49 năm kể từ ngày 11/10/2016 đến ngày 11/10/2065;
- Đơn giá thuê: 63 đồng/m<sup>2</sup>/năm, đơn giá ổn định trong 5 năm kể từ ngày 11/10/2016;
- Phương thức nộp tiền: Nộp tiền hằng năm, mỗi năm nộp 2 kỳ.

Ngày 09/02/2017, Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 87/QĐ-CT về việc miễn tiền thuê đất từ ngày 20/01/2017 đến ngày 11/10/2065 cho Công ty.

### 33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 23/02/2023, Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 24/02/2023 để tạm ứng cổ tức năm 2022 (đợt 3) bằng tiền với tỷ lệ 10%, ngày thanh toán 13/03/2023.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN VĂN CAO